TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN H** **TỈNH B**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 65/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 09/09/2020
"*V/v tranh chấp xin ly hôn và nuôi con*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H – TỈNH B

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phan Tú Anh**

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông **Lại Thiện Phong**

2/ Ông **Danh On**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Thái Kim Phương** – Thư ký Toà án nhân dân huyện H, tỉnh B.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện H tham gia phiên tòa: Bà **Lê Huyền Mao** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 09 tháng 09 năm 2020 tại Tòa án nhân dân huyện H mở phiên tòa xét xử công khai vụ án thụ lý số 133/2020/TLST–HNGĐ ngày 05 tháng 06 năm 2020 về việc "*Tranh chấp xin ly hôn và nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 63/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 07 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Ngọc V,** sinh năm 1994

Địa chỉ: Ấp X, xã N, huyện H, tỉnh B.

Bị đơn: Anh **Ngô Văn T,** sinh năm 1987

Địa chỉ: Ấp B, xã L, huyện H, tỉnh B.

(Nguyên đơn vắng mặt nhưng có đơn xin vắng, bị đơn vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Ngọc V trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị V và anh T không có tổ chức đám cưới, chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2011 và đến ngày 24/02/2015 thì có đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện H, tỉnh B. Vợ chồng chung sống từ năm 2011 cho đến khoảng đầu năm 2013 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, anh T thường xuyên rượu chè, mỗi lần có rượu vô là anh T hay đánh đập chị V vô cớ. Có những hôm chị V không dám vô nhà để ngủ vì sợ anh T đánh. Trong nhiều năm chị V cố gắng nhịn nhục sống với chồng vì con cho đến khoảng đầu năm 2019 thì chị V không thể tiếp tục sống chung với anh T nữa nên vợ chồng đã ly thân từ đầu năm 2019 cho

đến nay. Do không thể tiếp tục kéo dài cuộc sống hôn nhân với anh T nữa nên chị V yêu cầu được ly hôn với anh Ngô Văn T.

- Về quan hệ con chung: Quá trình chung sống vợ chồng chị V và anh T có hai người con chung là cháu Ngô Thị Phương N, sinh ngày 12/10/2011 và cháu Ngô Hữu H, sinh ngày 15/9/2016. Hiện tại cháu N đang sống chung với chị V và cháu H đang sống cùng với anh T. Khi ly hôn chị V yêu cầu được nuôi cháu Ngô Thị Phương N và chị V đồng ý giao cháu Ngô Hữu H cho anh Ngô Văn T nuôi dưỡng, chị V không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

- Về quan hệ tài sản: Quá trình chung sống chị V và anh T không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, chị V không có yêu cầu gì khác.

Đối với bị đơn anh Ngô Văn T: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án có xuống địa phương để tống đạt các văn bản tố tụng cũng như làm việc với anh Ngô Văn T tuy nhiên anh T không có mặt tại địa phương. Qua xác minh chính quyền địa phương thì được biết anh Ngô Văn T hiện tại không có mặt tại địa phương nhưng anh T vẫn còn đăng ký hộ khẩu thường trú tại ấp B, xã L, huyện H, tỉnh B. và trong một năm thì anh T có về địa phương một vài lần nhưng không biết chính xác khi nào anh T về. Do đó Tòa án không ghi nhận được ý kiến của anh T đối với yêu cầu xin ly hôn và nuôi con của chị V. Đồng thời Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định để giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng: Từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến phiên tòa xét xử hôm nay Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn anh Ngô Văn T chưa chấp hành đúng quy định tại điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Ngọc V được ly hôn với anh Ngô Văn T.

+ Về quan hệ con chung: Ghi nhận ý kiến của cháu Ngô Thị Phương N muốn sống cùng với chị Nguyễn Ngọc V, tiếp tục giao cháu Ngô Thị Phương N cho chị Nguyễn Ngọc V chăm sóc, nuôi dưỡng. Tiếp tục giao cháu Ngô Hữu H cho anh Ngô Văn T chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị V và anh T có quyền tới lui thăm nom con chung không ai được quyền cản trở. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con do chị V không có yêu cầu.

+ Về quan hệ tài sản: Chị V không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết. Ngoài ra chị V còn phải chịu án phí hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- *Về thủ tục tố tụng:*

[1] Nguyên đơn chị Nguyễn Ngọc V khởi kiện xin được ly hôn và nuôi con với bị đơn anh Ngô Văn T. Đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình đồng thời bị đơn có nơi cư trú tại ấp B, xã L, huyện H nên căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện H.

[2] Về sự vắng mặt của các đương sự: Nguyên đơn chị Nguyễn Ngọc V vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn xin vắng mặt; Bị đơn anh Ngô Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, do đó Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị V và anh T căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự là phù hợp.

- *Về nội dung vụ án:*

[3] Xét quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Ngọc V và anh Ngô Văn T, thấy rằng: Chị V và anh T có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện H, tỉnh B. vào ngày 24/02/2015 nên quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Chị V trình bày vợ chồng chung sống hạnh phúc từ lúc về sống chung với nhau là đầu năm 2011 cho đến khoảng năm 2013 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, anh T thường xuyên rượu chè, mỗi lần có rượu vô là anh T hay đánh đập chị V vô cớ, chị V cố gắng chịu đựng duy trì cuộc sống hôn nhân với anh T vì các con, nhưng đến khoảng đầu năm 2019 thì chị V không thể tiếp tục sống chung với anh T nữa nên vợ chồng đã ly thân từ đầu năm 2019 cho đến nay. Hiện tại chị V mong muốn được ly hôn với anh T. Quá trình giải quyết vụ án mặc dù Tòa án không ghi nhận được ý kiến của anh T, tuy nhiên qua xác minh đối với ông Trần Văn B là trưởng ấp B, xã L thì được ông B cho biết giữa chị V và anh T khi còn sống chung có xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng thường hay cãi nhau, anh T hay rượu chè và chị V với anh T đã ly thân với nhau hơn 01 năm nay, hiện tại chị V đã về nhà cha mẹ ruột ở ấp X, xã N sinh sống còn anh T thì đi thành phố làm thuê. Từ đó cho thấy cuộc sống hôn nhân của chị V và anh T đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Ngọc V, cho chị Nguyễn Ngọc V được ly hôn với anh Ngô Văn T.

[4] Về quan hệ con chung: Chị V xác định quá trình chung sống vợ chồng chị V và anh T có với nhau 02 người con chung là cháu Ngô Thị Phương N, sinh ngày 12/10/2011 và cháu Ngô Hữu H, sinh ngày 15/9/2016. Hiện tại cháu N đang sống chung với chị V và cháu H đang sống cùng với anh T từ khi vợ chồng ly thân đến nay. Đồng thời qua xác minh chính quyền địa phương là ông Trần Văn B – Trưởng ấp B, xã L thì được ông B cho biết vợ chồng chị V và anh T có 02 người con chung một bé gái lớn tên N và một bé trai nhỏ tên H, hiện tại cháu N đang sống chung với chị V và cháu H đang sống chung với T. Tại biên bản ghi nhận ý kiến của con vào ngày 05/6/2020 đối với cháu Ngô Thị Phương N thì cháu N cũng xác định hiện tại cháu đang sống chung với chị V và nguyện vọng của cháu là muốn sống chung với mẹ. Còn em trai của cháu tên H đang sống cùng với cha. Hội đồng xét xử xét thấy, do cháu N có nguyện vọng muốn được sống chung với chị V và từ khi vợ chồng chị V, anh T ly thân đến nay thì cháu N ở với chị V nên cần ghi nhận ý kiến của cháu N và tiếp tục giao cháu N cho chị V chăm sóc, giáo dục. Đối với cháu Ngô Hữu H từ khi

chị V và anh T ly thân đến nay cháu H sống cùng với anh T nên để không làm xáo trộn cuộc sống của cháu H cần tiếp tục giao H cho anh T nuôi dưỡng, chăm sóc khi vợ chồng chị V, anh T ly hôn. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con do chị V không yêu cầu.

[5] Về quan hệ tài sản: Chị V không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí: Buộc chị Nguyễn Ngọc V phải nộp án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm số tiền là 300.000 đồng. Anh Ngô Văn T không phải chịu án phí.

[7] Xét đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ nên được chấp nhận toàn bộ.

Vì các lẽ nêu trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

- Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Toà án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Ngọc V. Cho chị Nguyễn Ngọc V được ly hôn với anh Ngô Văn T.

2. Về quan hệ con chung: Ghi nhận nguyện vọng của cháu Ngô Thị Phương N, sinh ngày 12/10/2011 muốn sống cùng mẹ là chị Nguyễn Ngọc V. Tiếp tục giao cháu Ngô Thị Phương N, sinh ngày 12/10/2011 cho chị Nguyễn Ngọc V trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục khi vợ chồng ly hôn.

Tiếp tục giao cháu Ngô Hữu H, sinh ngày 15/9/2016 cho anh Ngô Văn T trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục khi vợ chồng ly hôn. Anh Ngô Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con do chị V không yêu cầu.

Chị Nguyễn Ngọc V và anh Ngô Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được quyền cản trở.

3. Về quan hệ tài sản: Chị Nguyễn Ngọc V không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Buộc chị Nguyễn Ngọc V phải nộp án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm không giá ngạch số tiền là 300.000 đồng. Chị V đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng tại biên lai thu số 0003106 ngày 05/06/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện H được chuyển thu án phí.

Anh Ngô Văn T không phải chịu án phí.

Án xử sơ thẩm công khai. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ. Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo quy định của pháp luật.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bạc Liêu (1b);
- VKSND huyện H (2b);
- CC.THADS huyện H (1b);
- UBND xã L (1b);
- Các đương sự (2b);
- Lưu hồ sơ vụ án, lưu Tòa (2b).

Phan Tú Anh